

Số: 68 /HĐCT  
V/v tuyển sinh theo chế độ  
cử tuyển năm học 2018 - 2019

Trà Vinh, ngày 15 tháng 01 năm 2019

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành;
- Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần;
- Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú;
- Ủy ban nhân dân huyện Cầu Kè;
- Ủy ban nhân dân huyện Càng Long;
- Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải;
- Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang.

Căn cứ Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Nghị định số 49/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2008/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC- BNV-UBDT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông báo số 807/TB-BGDĐT ngày 13/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thông báo chỉ tiêu cử tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học năm học 2018 - 2019; Công văn số 3824/UBND-KGVX ngày 15/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc đào tạo theo chế độ cử tuyển;

Căn cứ Công văn số 1508/ĐHYD-ĐT ngày 23/11/2018 của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh về việc đào tạo theo chế độ cử tuyển; Công văn số 1510/ĐHYD-ĐT ngày 28/11/2017 của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều kiện sơ tuyển đối với học sinh diện cử tuyển;

Căn cứ Quyết định số 2585/QĐ-UBND ngày 29/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh theo chế độ cử tuyển năm 2018 tỉnh Trà Vinh (sau đây được viết tắt là Hội đồng cử tuyển);

Hội đồng cử tuyển thông báo và hướng dẫn tuyển sinh đào tạo theo chế độ cử tuyển năm học 2018 - 2019 (sau đây viết tắt là tuyển sinh cử tuyển), cụ thể như sau:

## **I. NGÀNH, CHỈ TIÊU, ĐỐI TƯỢNG, VÙNG TUYỂN SINH CỬ TUYỂN NĂM HỌC 2018 - 2019 CỦA TỈNH TRÀ VINH**

### **1. Ngành, chỉ tiêu tuyển sinh cử tuyển:**

- Ngành tuyển sinh: Y đa khoa.

- Tổng chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo theo chế độ cử tuyển năm học 2018 - 2019 của tỉnh Trà Vinh: 10 chỉ tiêu.

## **2. Đối tượng tuyển sinh cử tuyển:**

Công dân Việt Nam thường trú từ 5 năm liên tục trở lên tính đến tháng 01 năm 2019 tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc tỉnh Trà Vinh và có thời gian 3 năm học trung học phổ thông tại trường đóng tại địa phương đó (học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú tính theo hộ khẩu trường trú); ưu tiên xét cử tuyển đối tượng là người dân tộc thiểu số. Tỷ lệ người dân tộc Kinh được cử tuyển không vượt quá 15% so với tổng số chỉ tiêu được giao.

## **3. Vùng tuyển sinh cử tuyển:**

Các xã, ấp có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thuộc tỉnh Trà Vinh theo quy định tại các văn bản sau:

- Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016 - 2020;

- Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, xã khu vực II, xã khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020;

- Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020;

- Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020.

*(Đính kèm Danh sách xã, ấp thuộc vùng tuyển sinh cử tuyển tỉnh Trà Vinh năm học 2018 - 2019).*

## **II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ CỬ TUYỂN**

Người đăng ký dự tuyển sinh cử tuyển năm học 2018 - 2019 tỉnh Trà Vinh phải thuộc đối tượng, vùng tuyển tại Mục I văn bản này và đảm bảo các tiêu chuẩn sau:

1. Tốt nghiệp trung học phổ thông; xếp loại hạnh kiểm năm cuối cấp đạt loại Khá trở lên; xếp loại học lực năm cuối cấp đạt loại Trung bình trở lên đối với học sinh là người dân tộc thiểu số và đạt loại Khá trở lên đối với học sinh là người dân tộc Kinh.

2. Đạt các tiêu chuẩn sơ tuyển theo quy định của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 1510/ĐHYD-ĐT ngày 28/11/2017:

- Kết quả học tập trung học phổ thông: Môn Toán, Hóa học và Sinh học của lớp 10, lớp 11 và lớp 12, mỗi môn phải đạt từ:

+ 7,0 điểm trở lên đối với người dân tộc thiểu số;

+ 8,0 điểm trở lên đối với người dân tộc Kinh.

- Kết quả kỳ thi trung học phổ thông Quốc gia năm 2018: Tổng số điểm ba môn Toán, Hóa học và Sinh học không thấp hơn điểm trúng tuyển của ngành dự tuyển:

+ 4,0 điểm đối với người dân tộc thiểu số;

+ 3,0 điểm đối với người dân tộc Kinh.

3. Không quá 25 tuổi tính đến tháng 02 năm 2019; có đủ sức khỏe theo quy định hiện hành.

4. Không thuộc biên chế Nhà nước (biên chế công chức, biên chế sự nghiệp).

### **III. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN SINH CỬ TUYỂN**

Hồ sơ của người đăng ký dự tuyển sinh cử tuyển được lập thành **2 (hai)** bộ và gửi cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ tuyển sinh cử tuyển của huyện trong thời gian quy định, thành phần mỗi bộ hồ sơ gồm:

1. Đơn đăng ký học theo chế độ cử tuyển (theo Mẫu 1).

2. Bản sao bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (đối với trường hợp tốt nghiệp trung học phổ thông năm học 2017 - 2018 mà hiện nay chưa được cấp bằng tốt nghiệp) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

3. Bản sao học bạ trung học phổ thông được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

4. Bản sao giấy chứng nhận đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, hoặc giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

5. Bản sao giấy khai sinh được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

6. Bản sao hộ khẩu thường trú được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

7. Giấy xác nhận thường trú đủ 5 năm liên tục (theo hộ khẩu thường trú) tính đến tháng 02 năm 2019 do Công an cấp xã cấp.

8. Sơ yếu lý lịch có chứng nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

9. Giấy khám sức khỏe do Trung tâm y tế cấp huyện trở lên hoặc cơ quan y tế có thẩm quyền cấp.

10. 02 (hai) tấm ảnh cỡ 4x6 chụp trong vòng 06 (sáu) tháng tính đến ngày nộp hồ sơ (được cho vào túi đựng ảnh có ghi rõ họ tên ở ngoài).

11. 01 (một) bao thư đã dán tem và ghi rõ địa chỉ liên lạc.

Tất cả hồ sơ trên cho vào túi hồ sơ học sinh, cỡ 21 cm x 32 cm, ghi họ tên và địa chỉ, số điện thoại liên lạc bên ngoài túi hồ sơ.

### **IV. THÔNG BÁO TUYỂN SINH, TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ TỔ CHỨC XÉT TUYỂN**

#### **1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện:**

a) Thông báo rộng rãi nội dung văn bản này trên các phương tiện thông tin đại chúng (đến tận xã, áp thuộc vùng tuyển sinh cử tuyển) về tuyển sinh theo chế độ cử tuyển năm học 2018 - 2019.

b) Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan, đơn vị có liên quan ở cấp huyện tổ chức thực hiện những nội dung sau:

- Phối hợp các trường trung học phổ thông, trường phổ thông dân tộc nội trú, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện thông báo rộng rãi cho học sinh thuộc đối tượng, vùng tuyển và đảm bảo tiêu chuẩn nêu tại Mục I, Mục II văn bản này được biết và đăng ký dự tuyển;

- Quy định cụ thể và thông báo công khai về thời gian, địa điểm tiếp nhận hồ sơ. Tổ chức tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đăng ký xét tuyển (02 bộ hồ sơ/người đăng ký dự tuyển) đảm bảo đúng đối tượng, vùng tuyển, tiêu chuẩn và thành phần hồ sơ theo quy định tại Mục I, Mục II và Mục III văn bản này;

- Tổng hợp hồ sơ, lập danh sách người đăng ký dự tuyển sinh cử tuyển của huyện (Danh sách theo các mẫu đính kèm văn bản này và được sắp xếp theo thứ tự điểm thi trung học phổ thông Quốc gia năm 2018 từ cao xuống thấp) để Hội đồng sơ tuyển thẩm định. Không lập danh sách đăng ký dự tuyển sinh cử tuyển đối với những trường hợp: Không đúng đối tượng, vùng tuyển, không đảm bảo tiêu chuẩn hướng chế độ cử tuyển, không nộp đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo hướng dẫn tại Mục I, Mục II và Mục III văn bản này).

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện thành lập Hội đồng sơ tuyển của huyện (Chủ tịch Hội đồng sơ tuyển là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện; Phó Chủ tịch Hội đồng, các Ủy viên Hội đồng gồm đại diện lãnh đạo của Cơ quan Tổ chức - Nội vụ, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Dân tộc, Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan).

Hội đồng sơ tuyển có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, đối tượng, vùng tuyển, tiêu chuẩn của người đăng ký dự tuyển sinh cử tuyển và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt danh sách.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt danh sách người đăng ký dự tuyển sinh cử tuyển của huyện và có văn bản (kèm theo danh sách và 01 bộ hồ sơ của mỗi người đăng ký dự tuyển), gửi đến Hội đồng cử tuyển tỉnh (thông qua Phòng Trung học - Thường xuyên - Dân tộc - Khảo thí Sở Giáo dục và Đào tạo; file Danh sách được soạn thảo bằng phần mềm Microsoft Excel và gửi đến địa chỉ email: phongdantoc@sgdtravinh.edu.vn) trước ngày 15/02/2019.

## **2. Hội đồng cử tuyển của tỉnh tổ chức xét tuyển sinh cử tuyển:**

Trên cơ sở hồ sơ, danh sách người đăng ký dự tuyển sinh cử tuyển và văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, Hội đồng cử tuyển tỉnh xét tuyển sinh cử tuyển, như sau:

a) Đối với chỉ tiêu cử tuyển người dân tộc Kinh:

Hội đồng cử tuyển xét chọn 01 chỉ tiêu trong toàn bộ danh sách, hồ sơ người dân tộc Kinh trong tỉnh đăng ký dự tuyển sinh cử tuyển.

b) Đối với chỉ tiêu người dân tộc Khmer:

- Hội đồng cử tuyển xét chọn trong danh sách, hồ sơ người dân tộc Khmer đăng ký dự tuyển sinh cử tuyển của huyện (chỉ tiêu phân bổ sẽ được thông báo sau).

- Hội đồng cử tuyển không xét những hồ sơ không đúng theo hướng dẫn tại văn bản này; không xét đối với những người không đúng đối tượng, tiêu chuẩn dự tuyển sinh cử tuyển năm học 2018 - 2019 của tỉnh Trà Vinh.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị Ủy ban nhân dân huyện trao đổi trực tiếp với Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng Trung học - Thường xuyên - Dân tộc - Khảo thí Sở Giáo dục và Đào tạo, số điện thoại 0743.865058) để được hướng dẫn.

Hội đồng cử tuyển đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện phối hợp, khẩn trương chỉ đạo thực hiện các nội dung của Công văn này để thực hiện kịp thời các chính sách và đảm bảo quyền lợi của người học././.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT. UBND tỉnh (thay b/c);
- Hội đồng cử tuyển;
- Tổ giúp việc HĐCT;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Phòng GD&ĐT các huyện;
- Cơ quan Tổ chức - Nội vụ các huyện;
- Lưu: VT, TT.HĐCT. *ng*

**TM. HỘI ĐỒNG  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



**GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ  
Lê Thanh Bình**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng .....năm 2019

**ĐƠN ĐĂNG KÝ HỌC THEO CHẾ ĐỘ CỬ TUYỂN NĂM HỌC 2018 - 2019**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh;
- Hội đồng cử tuyển.

1. Họ và tên người đăng ký học: .....Nam/nữ: .....

2. Ngày, tháng, năm sinh: .....

3. Dân tộc: ..... Tôn giáo .....

4. Địa chỉ thường trú (ghi rõ thôn, bản, xã, huyện, tỉnh):.....

5. Ngành đăng ký học: .....

Trình độ đào tạo: Đại học.

6. Thuộc đối tượng ưu tiên.....

7. Đã tốt nghiệp: .....

Ngày, tháng, năm dự thi tốt nghiệp: .....

8. Xếp loại năm cuối cấp/ cuối khoá: Học tập: .....Hạnh kiểm (Rèn luyện).....

- Kết quả học tập THPT: Điểm trung bình cuối năm:

+ Môn Toán: Lớp 10: .....điểm; lớp 11: ..... điểm; lớp 12: ..... điểm.

+ Môn Hóa học: Lớp 10: .....điểm; lớp 11: ..... điểm; lớp 12: ..... điểm.

+ Môn Sinh học: Lớp 10: .....điểm; lớp 11: ..... điểm; lớp 12: ..... điểm.

- Kết quả kỳ thi THPT Quốc gia năm 2018:

+ Môn Toán: .....điểm;

+ Môn Hóa học: .....điểm;

+ Môn Sinh học: .....điểm.

Tổng cộng: .....điểm.

9. Đạt giải (nếu có) ..... môn ..... kỳ thi học sinh giỏi hoặc kỳ thi olympic: ..... năm .....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai, tôi xin chịu trách nhiệm xử lý theo quy định của pháp luật.

Nếu được chấp nhận, tôi xin cam kết: Chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước đối với người học theo chế độ cử tuyển; sau khi tốt nghiệp sẽ chấp hành sự phân công công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Nếu không thực hiện đúng những quy định đối với người học theo chế độ cử tuyển, tôi sẽ có trách nhiệm bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo theo quy định hiện hành.

Khi cần, báo tin cho ai, địa chỉ, điện thoại (nếu có):.....

**Người đăng ký học**

(Ký, ghi rõ họ tên)

UBND HUYỆN.....  
**HỘI ĐỒNG SƠ TUYỂN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng ..... năm 2019

**DANH SÁCH HỌC SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THEO CHẾ ĐỘ CỬ TUYỂN NĂM HỌC 2018 - 2019**  
(Mẫu dành cho người dân tộc Kinh)

Stt	Họ và tên học sinh	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Dân tộc	Đổi tương ưu tiên	Hộ khẩu thường trú	Thời gian thường trú	Họ và tên, nghề nghiệp, chỗ ở hiện nay của cha	Họ và tên, nghề nghiệp, chỗ ở hiện nay của mẹ	Năm nhập học	Xếp loại năm cuối cấp		Điểm môn Toán			Điểm môn Hóa học			Điểm môn Sinh học			Tổng điểm 03 môn	Điểm thi THPT Quốc gia năm 2018		
											Hạng	Học lực	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)		
1	Nguyễn Văn A				PTDTNT							8,6	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0		
2												8,2	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0		
3												...	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0		
...																									

Tổng số học sinh đăng ký :.....  
Số thứ tự học sinh sắp xếp theo thứ tự điểm thi THPT Quốc gia năm 2018 từ cao xuống thấp.

**LẬP BẢNG** **PHÊ DUYỆT CỦA UBND HUYỆN** **TM. HỘI ĐỒNG SƠ TUYỂN**

UBND HUYỆN.....  
**HỘI ĐỒNG SƠ TUYỂN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng ..... năm 2019

**DANH SÁCH HỌC SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THEO CHẾ ĐỘ CỬ TUYỂN NĂM HỌC 2018 - 2019**  
(Mẫu dành cho người dân tộc Khmer)

Stt	Họ và tên học sinh	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Dân tộc	Đội tương ứng tên	Hộ khẩu thường trú	Thời gian thường trú	Họ và tên, nghề nghiệp, chỗ ở hiện nay của cha	Họ và tên, nghề nghiệp, chỗ ở hiện nay của mẹ	Năm tốt nghiệp	Xếp loại năm cuối cấp		Điểm môn Toán			Điểm môn Hóa học			Điểm môn Sinh học			Tổng điểm 03 môn	Điểm thi THPT Quốc gia năm 2018		
											Hạng	Kiểm	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)		
1	Nguyễn Văn A				PTĐ/TNT							8,6	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0		
2												8,2	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0		
3												...	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0		
...																									

Tổng số học sinh đăng ký :.....  
Số thứ tự học sinh sắp xếp theo thứ tự điểm thi THPT Quốc gia năm 2018 từ cao xuống thấp.

**LẬP BẢNG**

**PHÊ DUYỆT CỦA UBND HUYỆN**

**T.M. HỘI ĐỒNG SƠ TUYỂN**



**DANH SÁCH XÃ, ÁP THUỘC VÙNG TUYỂN SINH CỬ TUYỂN  
TỈNH TRÀ VINH NĂM HỌC 2018 - 2019**

(Kèm theo Công văn số /HDCT ngày /01/2019 của Hội đồng cử tuyển tỉnh Trà Vinh)

Huyện	Quyết định số 582/QĐ-TTg						Quyết định số 131/QĐ-TTg
	Xã, phường, thị trấn			Áp, khóm			
	TT	Tên xã, phường	Khu vực	Khu vực	TT	Tên áp, khóm	
<b>I. Huyện Châu Thành</b>							
	1	Xã Đa Lộc	III				
	2	Xã Mỹ Chánh	III				
	3	Xã Song Lộc	III				
	4	Xã Nguyệt Hóa	III				
	5	Xã Thanh Mỹ		II	1	Ô Tre Lớn	
					2	Nhà Dừa	
	6	Xã Lương Hoà A		II	1	Hòa Lạc A	
					2	Ô Bắp	
	7	Xã Lương Hòa		II	1	Bình La	
					2	Bót Chéch	
					3	Ba Se A	
	8	Xã Hòa Lợi		II	1	Đa Hòa Bắc	
					2	Qui Nông A	
					3	Qui Nông B	
					4	Kênh Xáng	
	9	Xã Phước Hào		II	1	Đa Hòa	
					2	Ô Cà Đa	
	10	Thị trấn Châu Thành		II	1	Khóm 4	
<b>II. Huyện Tiểu Cần</b>							
	1	Thị trấn Tiểu Cần		II	1	Khóm 5	
	2	Xã Tập Ngãi		II	1	Ngãi Hòa	
	3	Xã Ngãi Hùng		II	1	Ngãi Hùng	
					2	Ngãi Chánh	
					3	Chánh Hội A	
					4	Chánh Hội B	
	4	Xã Tân Hòa					x
<b>III. Huyện Trà Cú</b>							
	1	Xã Phước Hưng	III				
	2	Xã Ngọc Biên	III				
	3	Xã Long Hiệp	III				
	4	Xã An Quảng Hữu	III				
	5	Xã Ngãi Xuyên	III				
	6	Xã Đại An	III				
	7	Xã Thanh Sơn	III				
	8	Xã Hàm Giang	III				
	9	Xã Tân Hiệp	III				
	10	Xã Tập Sơn		II	1	Bến Trị	
					2	Cây Da	
					3	Đông Sơn	
	11	Xã Tân Sơn		II	1	Đồn Điền	
					2	Bến Thê	

Huyện	Quyết định số 582/QĐ-TTg						Quyết định số 131/QĐ-TTg
	Xã, phường, thị trấn			Ấp, khóm			
	TT	Tên xã, phường	Khu vực	Khu vực	TT	Tên ấp, khóm	
					3	Chợ	
	12	Xã Lưu Nghiệp Anh					x
	13	Xã Kim Sơn					x
	14	Xã Hàm Tân					x
<b>IV. Huyện Cầu Kè</b>							
	1	Xã Hòa Ân		II	1	Giồng Dầu	
					2	Thông Tháo	
	2	Xã Châu Điền		II	1	Ô Tung B	
					2	Xóm Lớn	
	3	Xã Phong Phú		II	1	Ấp II	
					2	Ấp III	
					3	Ấp IV	
	4	Xã Phong Thạnh		II	1	Ấp I	
					2	Ấp II	
	5	Xã Tam Ngãi		II	1	Ngọc Hồ	
	6	Hòa Tân					x
<b>V. Huyện Càng Long</b>							
	1	Xã Huyền Hội		II	1	Ấp Sóc	
					2	Trà On	
					3	Lưu Tư	
					4	Cầu Xây	
	2	Xã Bình Phú		II	1	Nguyệt Lăng A	
					2	Nguyệt Lăng B	
					3	Nguyệt Lăng C	
	3	Xã Phương Thạnh		II	1	Chợ	
					2	Giồng Chùa	
					3	Đầu Giồng	
<b>VI. Huyện Duyên Hải</b>							
	1	Xã Đôn Xuân	III				
	2	Xã Đôn Châu	III				
	3	Xã Ngũ Lạc	III				
	4	Thị trấn Long Thành		II	1	1	
					2	2	
	5	Long Khánh					x
	6	Long Vĩnh					x
<b>VII. Huyện Cầu Ngang</b>							
	1	Xã Mỹ Hòa	III				
	2	Xã Kim Hòa	III				
	3	Xã Hiệp Hòa	III				
	4	Xã Thuận Hòa	III				
	5	Xã Long Sơn	III				
	6	Xã Nhị Trường	III				
	7	Xã Trường Thọ	III				
	8	Xã Thạnh Hòa Sơn	III				
<b>Tổng cộng</b>		<b>45</b>	<b>24</b>	<b>21</b>		<b>48</b>	<b>7</b>

\* Ghi chú:

- Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016 - 2020;

- Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, xã khu vực II, xã khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020;

- Các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm các xã thuộc khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các xã vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

- Các ấp có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm các xóm, ấp thuộc khu vực II vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Các xã, ấp trong danh sách này bao gồm các xã, ấp thuộc diện đầu tư theo Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020; Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020./.